**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN**
**TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập –Tự do – H phúc**

B¶n ¸n sè: 35/2019/HNG§-ST
Ngµy 25-9-2019
***V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"***

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Vân

**Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Oanh
2. Ông Nguyễn Lâm Giang

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Hương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

***- Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 245/2019/TLST-HNGĐ ngày 24/7/2019 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1997 (có mặt)*

*Nơi ĐKHKTT: Thôn Tiến Phan 2, xã Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.*

*Hiện trú tại: Thôn 6, xã Đồng Lạc, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.*

** Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1988 (có mặt)*

*Nơi cư trú: Thôn Tiến Phan 2, xã Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.*

## NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 09/7/2019, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn ngày 16/11/2015, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhã Nam, huyện Tân Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn Tiến Phan 2, xã Nhã Nam. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, H phúc. Đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn,lý do mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Đến tháng 01/2018 chị đã

cùng con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Hai vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Đ M, sinh ngày 10/6/2017. Hiện cháu M đang ở với chị. Ly hôn chị nhận tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện nay chị làm ở Công ty TNHH Zhangang Việt Nam, thu nhập trung bình trên 7 triệu đồng/tháng, chị đã cung cấp bảng lương cho Tòa án.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, chị H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung với anh Đ. Tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị xác định vợ chồng không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với anh Nguyễn Văn Đ là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các giấy tờ nhưng tại các buổi hòa giải, làm việc của Tòa án anh Đ đều vắng mặt không có lý do và Tòa án đã thông báo cho anh Đ về việc các chứng cứ Tòa án đã thu thập có trong vụ án nhưng anh Đ không có ý kiến gì và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để chứng M cho quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn Đ có mặt trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhã Nam. Sau khi kết hôn chị H về nhà anh sinh sống ở thôn Tiến Phan 2, đến tháng 7/2017 thì vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn, lý do mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống trong cuộc sống gia đình, do chị H không đi làm thì tôi có nhắc nhở. Đến tháng 01/2018 hai vợ chồng ly thân nhau cho đến nay. Chị H đề nghị giải quyết ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh Đ xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Đ M, sinh ngày 10/6/2017. Hiện cháu M đang ở với chị H. Ly hôn anh nhận nuôi dưỡng con chung. Anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện nay anh làm ở Công ty cổ phần Havin ở Hà Đông, thu nhập trung bình 15 triệu đồng/tháng, tại phiên tòa hôm nay anh không cung cấp được xác nhận thu nhập, bảng lương cho Tòa án.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị H chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn anh Đ không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Đ M, sinh ngày 10/6/2017. Anh Nguyễn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị H và anh Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử thấy:

* Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị H và anh Đ xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhã Nam, huyện Tân Yên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, chị H và anh Đ có một thời gian chung sống H phúc thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, ly thân nhau từ tháng 01/2018 không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Tại phiên tòa anh Đ có mặt trình bày vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống gia đình, tháng 01/2018 hai vợ chồng anh ly thân nhau cho đến nay. Chị H đề nghị được ly hôn với anh thì anh đồng ý với đề nghị ly hôn của chị H.

Tại biên bản làm việc với ông Nguyễn Đ H là bố đẻ anh Đ cũng khẳng định vợ chồng chị H, anh Đ xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống trong cuộc sống sinh hoạt thường ngày, sau đó vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng gia đình có khuyên bảo, động viên nhưng không thành. Chị H và anh Đ ly thân nhau từ tháng 01/2018 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương cũng khẳng định chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ đầu năm 2018 và chị H không quay lại nhà anh Đ sinh sống.

Xét mâu thuẫn giữa chị H và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận sự thống nhất

thuận tình ly hôn giữa chị H và anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị H và anh Đ đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Đ M, sinh ngày 10/6/2017 và cả hai bên đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung. Xét theo nguyện vọng và điều kiện kinh tế, nuôi dưỡng của hai bên thì thấy: Khi giải quyết vụ án về ly hôn, nguyện vọng hai bên đều muốn nuôi con chung thì cần xem xét đến quyền lợi của các bên đương sự nhất là quyền lợi mọi mặt của trẻ em, trong vụ án này cần đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Nguyễn Đ M ổn định, phát triển. Hiện nay cháu M còn nhỏ mới hơn hai tuổi mà lại đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng và ở với chị H từ khi sinh ra đến nay, cháu phát triển bình thường, chị H có đi làm lương thu nhập ổn định, thời gian làm việc 8 giờ/ngày, xét thấy việc nuôi con của chị H vẫn đảm bảo phát triển bình thường cho cháu M. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị H và giao cháu M cho chị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu M. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

* Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H, anh Đ không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

* Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị H, anh Đ không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Đ .

[2]. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Đ M, sinh ngày 10/6/2017. Anh Nguyễn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

[3]. Án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0005871 ngày 24/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã Nhã Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Vân**